

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ B  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/12/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tố Loan.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Vũ Văn Tám.**

Bà **Lò Thị Cải.**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thu Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông: **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST- HNGĐ ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị Ngọc L**; sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản H S, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**; sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản T L (cũ là bản T L 2), xã H M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt không lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Quàng Thị Ngọc L trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2013 tại UBND xã H M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự

nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống hai bên không hiểu nhau và luôn xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp quan điểm sống bất đồng, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Đến tháng 7/2015 chị L và anh T đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị L đã đưa con về nhà Bố mẹ đẻ tại bản H S, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên sinh sống cho đến nay. Đến nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Chị Quàng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T có 01 con chung là cháu Lò Thị Kim O; sinh ngày 27/7/2013. Từ khi vợ chồng chị L và anh T sống ly thân, con chung là do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu O đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L khai không có.

*Đối với bị đơn anh Lò Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án anh T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

\* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn

cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị L được ly hôn với anh T.

- Đối với con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Thị Kim O; sinh ngày 27/7/2013 cho chị L người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu O đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L khai không có. Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 chị Quảng Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*\* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Đối với vi phạm của Bị đơn làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Yêu cầu Bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 29/10/2021 chị Quảng Thị Ngọc L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn T có địa chỉ bản T L (cũ là bản T L2), xã H M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Ngày

29/10/2021 chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị Quàng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

## **[2] Về nội dung.**

**[2.1] Xét về hôn nhân:** Chị Quàng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T kết hôn năm 2013 tại UBND xã H M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo chị L thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chính là do anh T không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 chị L đã đưa con về nhà Bố mẹ đẻ tại bản H S, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên sinh sống cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Việc này đã được Tòa án xác minh tại Trưởng bản T L (cũ là bản T L 2), xã H M và UBND H M, huyện Đ B xác nhận.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo cho anh Toàn được biết, nhưng anh Toàn từ chối nhận và anh T không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh Toàn nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù

tại phiên toà ngày hôm nay chị L có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị L khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Quảng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T.

**[2.2] Xét về con chung:** Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lò Thị Kim O; sinh ngày 27/7/2013. Xét thấy từ năm 2015 chị L và anh T ly thân, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Anh T không có trách nhiệm gì với con. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị L cung cấp cho Tòa án và Toà án đã tiến hành xác minh tại Trưởng bản T L (cũ là bản T L 2), xã H M và UBND H M, huyện Đ B xác nhận thì vợ chồng chị L và anh T khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, bản thân anh chị đã sống ly thân từ năm 2015, chị L đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Kim O và theo nguyện vọng của cháu Kim O muốn được ở với mẹ (Thể hiện tại đơn bản trình bày nguyện vọng ngày 04/11/2021). Tòa án cần giao con chung cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Kim O đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

**[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Xét về tài sản:** Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L khai không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quảng Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Quàng Thị Ngọc L với anh Lò Văn T.

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Lò Thị Kim O; sinh ngày 27/7/2013 cho chị Quàng Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về chia tài sản chung;** Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quàng Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị L đã nộp theo biên lai thu tiền 0004830 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Quàng Thị Ngọc L và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã H M, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**